

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11- ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 6 – 2026

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành.

Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11- Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Quý D, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã PC, tỉnh Đồng Tháp.

Bà D và ông M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Quý D trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Quý D và ông Phan Văn M xác lập quan hệ hôn nhân năm 2013, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà D và ông M chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2026 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay bà Trần Thị Quý D yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn M.

Về con chung: Bà D và ông M trong quá trình chung sống có 01 con chung

tên Phan Công B, sinh ngày 08/09/2014 .Sau khi ly hôn Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn M đã trình bày ý kiến:

Ông M thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Quý D, Ông M thống nhất ly hôn với bà Trần Thị Quý D.

Về con chung: Ông M và Bà D trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Phan Công B, sinh ngày 08/09/2014. Sau khi ly hôn ông M thống nhất giao con chung cho Bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do Bà D không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Quý D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn M cư trú tại ấp A, xã PC, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11-Dồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn M và bà Trần Thị Quý D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà D và ông M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Quý D yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn M.

Xét thấy, Bà D và ông M chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”.

Trong quá trình chung sống Bà D và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn, do

không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Bà D và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do Bà D và ông M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà D và ông M là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà D và ông M có 01 con chung Phan Công B, sinh ngày 08/09/2014 hiện nay cháu B đang sống với Bà D và cháu B đã có văn bản ý kiến về nguyện vọng của mình là sống với mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định cho cháu B cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu, cần tiếp tục giao cháu Phan Công B, sinh ngày 08/09/2014 cho Bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D và ông M xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Bà D và ông M xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Quý D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Quý D

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Quý D và ông Phan Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Phan Công B, sinh ngày 08/09/2014 cho Bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, Bà D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông M xác định không yêu cầu Tòa

án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Quý D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0009178 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự, tỉnh Đồng Tháp. Bà Trần Thị Quý D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Phan Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11-Dồng Tháp;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tâm – Võ Thị Thủy

Huỳnh Anh Thư

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 11-Đồng Tháp;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Dài – Trần Quang Vinh

Huỳnh Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Dài – Trần Quang Vinh

Huỳnh Anh Thư

